

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ H
TỈNH T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 137/2024/DS-ST

Ngày: 18-9-2024.

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Ly.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tô Hiền Đức;

2/ Bà Huỳnh Thị Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: bà Dương Thị Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoà Thành.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T tham gia phiên tòa:
bà Nguyễn Lâm Thúy Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2024/TLST-DS ngày 05-4-2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2024/QĐST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thanh M, sinh năm 1988; địa chỉ: số nhà 47 đường Nguyễn Lương Bằng, ấp Trường P, xã T, thị xã H, tỉnh T (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1988, địa chỉ: Tổ 11, hẻm số 4 đường Nguyễn Lương Bằng, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh T, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do chị và chị N là bạn bè thân thiết nên ngày 05-7-2023 chị có cho chị N vay số tiền 100.000.000 đồng, khi vay tiền chị N có viết giấy nợ chính giao cho chị giữ. Mục đích chị N vay tiền của chị là để trả nợ cho ngân hàng, thời hạn vay trong vòng

1 tháng, do là bạn bè thân thiết nên khi cho vay chị N và chị không thỏa thuận lãi suất chị N có bao nhiêu đưa cho chị cũng được. Từ ngày cho vay đến nay chị N trả cho chị được 1 lần tiền lãi là 5.000.000 đồng. Sau đó chị nhiều lần chị yêu cầu chị N trả cho chị số tiền nợ còn lại nhưng chị N cứ hẹn mà không trả. Nay chị khởi kiện yêu cầu chị N trả cho chị số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Khi cho chị N vay tiền chị có giữ của chị N 01 sổ bảo hiểm xã hội số 7211012344 mang tên chị Nguyễn Thị N để làm tin, khi nào chị N trả tiền cho chị thì chị mới trả cho chị N quyền sổ Bảo hiểm xã hội này.

*** Ý kiến và yêu cầu của bị đơn:** chị N không có mặt do đó không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H phát biểu ý kiến:

1/Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2/Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt không có lý do là đã từ chối quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

3/Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 464, 466, 468, 469 BLDS; Nghị quyết 326 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án. Viện KSND thị xã H đề nghị HĐXX TAND thị xã H: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thanh M buộc chị Nguyễn Thị N phải trả lại cho chị Hồ Thanh M số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày chị M khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Hồ Thanh M có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thanh M yêu cầu chị Nguyễn Thị N trả số nợ vay 100.000.000 đồng thì thấy rằng: theo giấy mượn tiền mà chị M cung cấp thể

hiện ngày 05-7-2023 chị N vay của chị M số tiền 100.000.000 đồng, trong giấy mượn tiền không thỏa thuận thời hạn trả nợ và lãi suất. Theo chị M thì từ ngày vay cho đến nay, chị N chưa trả được cho chị khoản tiền gốc nào. Chị N được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M buộc chị N trả cho chị M số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng.

Khi cho vay chị N có giao cho chị M một quyển sổ bảo hiểm xã hội số 7211012344 mang tên chị Nguyễn Thị N để làm tin. Việc chị M giữ sổ bảo hiểm xã hội của chị N là không đúng pháp luật do đó cần buộc chị M phải trả lại cho chị N quyển sổ bảo hiểm xã hội nêu trên.

[3] Xét yêu cầu tính lãi của chị M đối với khoản nợ gốc 100.000.000 đồng theo quy định của pháp luật thì thấy rằng: mặc dù khi chị M cho chị N vay tiền hai bên không thỏa thuận cụ thể về lãi suất, chỉ thỏa thuận miệng chị N có bao nhiêu thì trả bấy nhiêu và chị M cũng thừa nhận chị N có trả cho chị 1 lần tiền lãi là 5.000.000 đồng. Trong giấy nợ hai bên cũng không ghi thời hạn trả nợ nhưng có thỏa thuận miệng là cho vay trong thời hạn 1 tháng. Như vậy cần chấp nhận yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật của chị M kể từ ngày vay là 05-7-2023 trừ đi số tiền lãi 5.000.000 đồng mà chị M đã nhận của chị N.

Cần buộc chị N trả cho chị M số tiền lãi là:

$100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 14 \text{ tháng} - 5.000.000 \text{ đồng} = 6.984.000 \text{ đồng}.$

[4] Từ những phân tích nêu trên chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 464, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thanh M đối với chị Nguyễn Thị N về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), và tiền lãi là 6.984.000 đồng (Sáu triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng). Tổng cộng là 106.984.000 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Chị Hồ Thanh M phải trả lại cho chị Nguyễn Thị N 01 quyển sổ xã hội số 7211012344 mang tên chị Nguyễn Thị N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự: chị Nguyễn Thị N phải chịu 5.349.000 đồng (Năm triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Hồ Thanh M được nhận lại 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011024 ngày 05-4-2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh T.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thị xã H;
- Chi cục THA DS thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP.